



CÔNG TY TNHH BẢO HIỂM NHÂN THỌ AIA (VIỆT NAM)

BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM AN NGHIỆP HỮU TRÍ

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP BẢO HIỂM:

Công ty TNHH Bảo hiểm nhân thọ AIA (Việt Nam)

- ❖ Giấy phép thành lập và hoạt động số 16GP/KDBH do Bộ Tài Chính cấp ngày 14 tháng 7 năm 2008.
- ❖ Lĩnh vực kinh doanh: bảo hiểm nhân thọ, đầu tư tài chính.
- ❖ Vốn điều lệ: 8.724,420 tỷ đồng
- ❖ Trụ sở chính: Tầng 15, Tòa nhà Saigon Centre tháp 2, 67 Đường Lê Lợi, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh
- ❖ Điện thoại: (84-28) 3830 3333; Trung tâm dịch vụ khách hàng, điện thoại: (84-28) 3812 2777; website: www.aia.com.vn

II. THÔNG TIN VỀ ĐẠI LÝ BẢO HIỂM:

Họ và tên:

Địa chỉ liên hệ:

Mã số đại lý:

Văn phòng hoạt động:

III. THÔNG TIN KHÁCH HÀNG:

	Họ và tên	Tuổi	Giới tính	Nhóm nghề	Số CMND/ Hộ chiếu
Bên mua bảo hiểm	Nguyen Van B	22	Nam	1	908473123
Người được bảo hiểm	Nguyen Hoai Thuong	25	Nữ	2	324765134
Địa chỉ liên hệ					

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý:

Mã số đại lý:

Ngày:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang
dưới đây

Trang 1/7



IV. THÔNG TIN HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM:

Đơn vị: đồng

Sản phẩm	Người được bảo hiểm	Số tiền bảo hiểm	Thời hạn bảo hiểm (năm)	Thời hạn đóng phí (năm)	Phí bảo hiểm (năm)
Sản phẩm chính BẢO HIỂM AN NGHIỆP HƯU TRÍ	Nguyen Hoai Thuong	100.000.000	41	26	21.000.000
Sản phẩm bổ trợ (*)					
Tổng phí sản phẩm bổ trợ					
Phí bảo hiểm theo định kỳ		Năm	Nửa năm	Quý	Tháng
Phí sản phẩm chính		21.000.000	10.500.000	5.250.000	1.750.000
Phí các sản phẩm bổ trợ		-	-	-	-
Tổng phí bảo hiểm theo định kỳ		21.000.000	10.500.000	5.250.000	1.750.000

V. QUYỀN LỢI SẢN PHẨM CHÍNH:

- Quyền lợi hưu trí định kỳ:** chi trả Giá trị tài khoản hưu trí theo định kỳ.
- Quyền lợi bảo hiểm tử vong/TTTBVV trước tuổi 60:** chi trả Số tiền bảo hiểm cộng 100% Giá trị tài khoản hưu trí.
- Quyền lợi trợ cấp mai táng:** chi trả 20% Số tiền bảo hiểm.
- Quyền lợi gia tăng giá trị hợp đồng:** 10% phí bảo hiểm phân bổ trung bình đã đóng của 5 (năm) năm Hợp đồng trước đó được tự động cộng vào tài khoản hợp đồng.

(*) Thời hạn đóng phí và Thời hạn bảo hiểm của sản phẩm bổ trợ phụ thuộc vào điều khoản về tái tục.

(**) Phí bảo hiểm của (các) sản phẩm bổ trợ này có thể thay đổi theo độ tuổi của Người được bảo hiểm tại mỗi năm hợp đồng và Số tiền bảo hiểm. Phí bảo hiểm thể hiện tại đây là phí năm đầu.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý:

Mã số đại lý:

Ngày:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang
dưới đây

Trang 2/7



VI. THÔNG TIN SẢN PHẨM CHÍNH:

A. Quyền lợi sản phẩm

1. Quyền lợi bảo hiểm

Quyền lợi bảo hiểm khi Người được bảo hiểm tử vong hoặc Tàn tật toàn bộ và vĩnh viễn trước tuổi 60.

Quyền lợi trợ cấp mai táng

2. Quyền lợi hưởng lãi suất đầu tư:

Bên mua bảo hiểm được hưởng lãi hàng tháng trên Giá trị tài khoản hưu trí theo mức lãi suất do Công ty công bố định kỳ. Tiền lãi sẽ được cộng dồn vào Giá trị tài khoản hưu trí.

3. Các quyền lợi khác:

- Quyền thay đổi Số tiền bảo hiểm

- Quyền lợi gia tăng giá trị hợp đồng: vào Ngày kỷ niệm hợp đồng lần thứ 5, nếu phí bảo hiểm phân bổ được đóng liên tục và đầy đủ đến thời điểm xem xét, Giá trị tài khoản hưu trí sẽ được tự động cộng thêm khoản tiền, bằng 10% phí bảo hiểm phân bổ trung bình đã đóng của 5 (năm) năm trước đó.

B. Các loại chi phí

1. Phí bảo hiểm rủi ro: là chi phí dùng để chi trả Quyền lợi bảo hiểm (bao gồm Quyền lợi tử vong và TTTB&VV). Mức chi phí bảo hiểm sẽ căn cứ trên xác suất tử vong và TTTB&VV. Chi phí bảo hiểm rủi ro sẽ được khấu trừ hàng tháng vào Giá trị tài khoản hưu trí.

2. Phí ban đầu: là tỉ lệ % của phí bảo hiểm phân bổ.

3. Phí quản lý hợp đồng: chi phí dùng để duy trì hợp đồng bảo hiểm và được khấu trừ hàng tháng. Hiện tại, mức chi phí này là 20.000 đồng/tháng. Mức chi phí này có thể thay đổi nhưng tối đa là 60.000 đồng /tháng.

4. Phí quản lý quỹ: chi phí dùng để quản lý hoạt động của quỹ hưu trí tự nguyện. Công ty sẽ khấu trừ tỷ lệ chi phí quản lý quỹ tối đa là 2%/năm.

5. Phí chuyển tài khoản bảo hiểm hưu trí: được áp dụng khi Bên mua bảo hiểm yêu cầu chuyển giao tài khoản bảo hiểm hưu trí sang doanh nghiệp bảo hiểm mới.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý:

Mã số đại lý:

Ngày:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang
dưới đây

Trang 3/7



Năm hợp đồng	1	2	3	4	5 +
% Giá trị tài khoản hưu trí chuyển giao	5%	4%	3%	2%	1%

6. Tỷ suất đầu tư dự kiến:

Tùy theo kết quả đầu tư của quỹ hưu trí tự nguyện, lãi suất tích lũy vào tài khoản của khách hàng có thể tăng hoặc giảm. Tuy nhiên, Công ty cam kết mức lãi suất tối thiểu dựa trên mức lãi suất trung bình áp dụng cho trái phiếu chính phủ và sẽ áp dụng mỗi giai đoạn 5 (năm) năm. Sau mỗi 5 (năm) năm, công ty sẽ tính toán lại mức lãi suất cam kết mới cho khách hàng và áp dụng cho 5 (năm) năm tiếp theo. Công ty thực hiện chính sách đầu tư thận trọng, chủ yếu là đầu tư vào trái phiếu chính phủ để đảm bảo thực hiện được mức lãi suất cam kết tối thiểu này. Quyền lợi đầu tư phụ thuộc vào mức lãi suất, vì thế, có thể tăng hoặc giảm tùy theo hiệu suất đầu tư của Công ty.

VII. MỤC TIÊU VÀ CHÍNH SÁCH ĐẦU TƯ CỦA QUỸ HƯU TRÍ TỰ NGUYỄN:

Mục tiêu và Chính sách đầu tư của Quỹ Hưu Trí Tự Nguyện là đạt được lợi nhuận đầu tư ổn định đồng thời đảm bảo khả năng thanh toán. Quỹ Hưu trí tự nguyện có chính sách đầu tư thận trọng và dài hạn, chủ yếu phân bổ vào các tài sản đầu tư có thu nhập ổn định như trái phiếu Chính phủ, trái phiếu doanh nghiệp và tiền gửi ngân hàng và đáp ứng với tỷ lệ phân bổ tài sản theo quy định của pháp luật.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý:

Mã số đại lý:

Ngày:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang
dưới đây

Trang 4/7



BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM AN NGHIỆP HƯU TRÍ

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí Bảo hiểm	Phí Bảo hiểm phân bổ	Chi phí bảo hiểm rủi ro	Quyền lợi bảo hiểm					
					Tại mức Lãi suất minh họa 6%			Tại mức Lãi suất minh họa 8%		
					Giá trị tài khoản hưu trí	Quyền lợi hưu trí định kỳ	QL tử vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản hưu trí	Quyền lợi hưu trí định kỳ	QL tử vong/ TTTBVV
1	35	21,000	20,000	355	20,569	-	120,569	20,957	-	120,957
2	36	21,000	20,000	355	42,373	-	142,373	43,591	-	143,591
3	37	21,000	20,000	355	65,484	-	165,484	68,036	-	168,036
4	38	21,000	20,000	355	89,983	-	189,983	94,436	-	194,436
5	39	21,000	20,000	355	117,951	-	217,951	124,949	-	224,949
6	40	21,000	20,000	355	145,597	-	245,597	155,902	-	255,902
7	41	21,000	20,000	355	174,903	-	274,903	189,332	-	289,332
8	42	21,000	20,000	355	205,966	-	305,966	225,435	-	325,435
9	43	21,000	20,000	355	238,893	-	338,893	264,428	-	364,428
10	44	21,000	20,000	355	273,796	-	373,796	306,539	-	406,539
11	45	21,000	20,000	355	310,793	-	410,793	352,020	-	452,020
12	46	21,000	20,000	710	349,634	-	449,634	400,755	-	500,755
13	47	21,000	20,000	710	390,805	-	490,805	453,390	-	553,390
14	48	21,000	20,000	710	434,446	-	534,446	510,235	-	610,235
15	49	21,000	20,000	710	480,706	-	580,706	571,628	-	671,628
16	50	21,000	20,000	710	529,741	-	629,741	637,932	-	737,932
17	51	21,000	20,000	710	581,719	-	681,719	709,541	-	809,541
18	52	21,000	20,000	710	636,815	-	736,815	786,878	-	886,878
19	53	21,000	20,000	710	695,217	-	795,217	870,402	-	970,402
20	54	21,000	20,000	710	757,123	-	857,123	960,608	-	1,060,608
21	55	21,000	20,000	710	822,743	-	922,743	1,058,031	-	1,158,031
22	56	21,000	20,000	710	892,301	-	992,301	1,163,248	-	1,263,248
23	57	21,000	20,000	710	966,032	-	1,066,032	1,276,881	-	1,376,881
24	58	21,000	20,000	710	1,044,187	-	1,144,187	1,399,606	-	1,499,606
25	59	21,000	20,000	710	1,127,031	-	1,227,031	1,532,148	-	1,632,148
26	60	21,000	20,000	710	1,214,846	-	1,314,846	1,675,294	-	1,775,294

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý:

Mã số đại lý:

Ngày:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang
dưới đây

Trang 5/7



BẢNG MINH HỌA HỢP ĐỒNG BẢO HIỂM AN NGHIỆP HỮU TRÍ

Đơn vị: ngàn đồng

Năm HD	Tuổi NDBH	Phí Bảo hiểm	Phí Bảo hiểm phân bổ	Chi phí bảo hiểm rủi ro	Quyền lợi bảo hiểm					
					Tại mức Lãi suất minh họa 6%			Tại mức Lãi suất minh họa 8%		
					Giá trị tài khoản hưu trí	Quyền lợi hưu trí định kỳ	QL tử vong/ TTTBVV	Giá trị tài khoản hưu trí	Quyền lợi hưu trí định kỳ	QL tử vong/ TTTBVV
27	61	-	-	-	1,201,633	80,990	1,201,633	1,688,437	111,686	1,688,437
28	62	-	-	-	1,182,496	85,831	1,182,496	1,693,002	120,603	1,693,002
29	63	-	-	-	1,156,772	90,961	1,156,772	1,687,534	130,231	1,687,534
30	64	-	-	-	1,123,743	96,398	1,123,743	1,670,399	140,628	1,670,399
31	65	-	-	-	1,082,625	102,158	1,082,625	1,639,769	151,854	1,639,769
32	66	-	-	-	1,032,570	108,262	1,032,570	1,593,596	163,977	1,593,596
33	67	-	-	-	972,656	114,730	972,656	1,529,593	177,066	1,529,593
34	68	-	-	-	901,884	121,582	901,884	1,445,207	191,199	1,445,207
35	69	-	-	-	819,171	128,841	819,171	1,337,589	206,458	1,337,589
36	70	-	-	-	723,347	136,529	723,347	1,203,571	222,932	1,203,571
37	71	-	-	-	613,144	144,669	613,144	1,039,626	240,714	1,039,626
38	72	-	-	-	487,195	153,286	487,195	841,838	259,907	841,838
39	73	-	-	-	344,030	162,398	344,030	605,864	280,613	605,864
40	74	-	-	-	182,082	172,015	182,082	326,907	302,932	326,907
41	75	-	-	-	-	182,082	-	-	326,907	-

Lưu ý:

- Khoản tiền gia tăng giá trị hợp đồng đã được cộng vào Giá trị tài khoản hưu trí.

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý:

Mã số đại lý:

Ngày:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang
dưới đây

Trang 6/7



XÁC NHẬN CỦA KHÁCH HÀNG

Bằng việc ký tên vào Bảng minh họa này, tôi xác nhận đã được đại diện được ủy quyền của Công ty tiến hành phân tích nhu cầu, tư vấn, cung cấp đầy đủ thông tin liên quan đến Hợp đồng bảo hiểm và giải thích cụ thể các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng bảo hiểm nói trên. Tôi theo đây xác nhận rằng đã hiểu rõ các đặc điểm của sản phẩm bảo hiểm An Nghiệp Hưu Trí cũng như toàn bộ nội dung của Bảng minh họa này và đồng ý tham gia do nhận thấy Hợp đồng bảo hiểm này phù hợp với nhu cầu của tôi.

Tôi cũng hiểu rõ rằng:

1. Bảng minh họa này được thiết kế dựa trên điều kiện Người được bảo hiểm ở mức rủi ro chuẩn. Phí bảo hiểm thực tế sẽ phụ thuộc vào việc thẩm định của Công ty;
2. Các quyền lợi và điều kiện bảo hiểm sẽ được điều chỉnh theo điều khoản của Hợp đồng bảo hiểm và phụ thuộc vào việc đóng phí bảo hiểm cũng như việc kê khai đầy đủ và chính xác các thông tin liên quan đến Người được bảo hiểm;
3. Mức lãi suất tích lũy tối thiểu cam kết dựa trên mức lãi suất trung bình áp dụng cho trái phiếu chính phủ và sẽ áp dụng mỗi giai đoạn 5 (năm) năm. Sau mỗi 5 (năm) năm, Công ty sẽ tính toán lại mức lãi suất cam kết mới cho khách hàng và áp dụng cho 5 (năm) năm tiếp theo. Giá trị thực tế của hợp đồng bảo hiểm phụ thuộc vào lãi suất tích lũy được áp dụng;
4. Giá trị hợp đồng được minh họa dựa trên giả định tất cả các khoản phí bảo hiểm đã được đóng đủ và không có bất kỳ Khoản nợ nào chưa thanh toán;
5. Phí của sản phẩm bổ trợ đính kèm có thể thay đổi tùy theo từng sản phẩm và độ tuổi bảo hiểm;
6. Bảng minh họa này chỉ có giá trị khi có đầy đủ số trang;
7. Bảng minh họa này là một phần của hợp đồng bảo hiểm.
8. Tham gia Hợp đồng bảo hiểm An Nghiệp Hưu Trí là một cam kết dài hạn và không được rút trước tài khoản bảo hiểm hưu trí.

Bên mua bảo hiểm

Ký tên

Ngày/tháng/năm

Tôi, đại diện được ủy quyền của Công ty ký tên dưới đây cam kết đã giải thích và tư vấn đầy đủ cho khách hàng có tên nêu trên về sản phẩm bảo hiểm An Nghiệp Hưu Trí và nội dung Bảng minh họa này.

Đại lý bảo hiểm/Chuyên viên tư vấn bảo hiểm

Ký tên

Ngày/tháng/năm

MỌI QUY ĐỊNH, ĐIỀU KIỆN VÀ QUYỀN LỢI BẢO HIỂM SẼ ĐƯỢC THỰC HIỆN THEO QUY TẮC, ĐIỀU KHOẢN CỦA SẢN PHẨM BẢO HIỂM

Khách hàng:

Đại lý:

Mã số đại lý:

Ngày:

Bảng minh họa phải có đầy đủ số trang
dưới đây

Trang 7/7